

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC  
BÀ RỊA – VŨNG TÀU**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**



**2017**









**MỤC LỤC**

**THÔNG TIN CHUNG**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017**

# THÔNG TIN CHUNG



- **Thông tin khái quát**
- **Quá trình hình thành và phát triển**
- **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- **Các thành tích đạt được**
- **Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý**
- **Định hướng phát triển**
- **Các rủi ro**



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT







Số 14 Đường 30/04, P.9, TP.Vũng Tàu, T.Bà Rịa-Vũng Tàu



(0254) 3838 324



(0254) 3833 636

**Tên giao dịch** Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu

**Tên viết tắt** BWACO

**Giấy CNĐKDN số** Số 3500101386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 17/11/2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 30/10/2017.

**Vốn điều lệ** 600.000.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 601.611.402.000 đồng

**Website** [www.bwaco.com.vn](http://www.bwaco.com.vn)

**Mã cổ phiếu** BWS

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Xí nghiệp Cấp thoát nước Vũng Tàu - Bà Rịa được đổi tên thành Công ty Cấp nước Vũng Tàu - Côn Đảo theo Quyết định số 232/QĐUB-TCCB của UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Đến thời điểm này, số khách hàng đã tăng gấp rưỡi so với ngày thành lập.

**1989**

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và một số huyện thuộc tỉnh Đồng Nai. Do đó, 28/10/1991, UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 78/QĐ-UB đổi tên Công ty Cấp nước Vũng Tàu - Côn Đảo thành Công ty Cấp nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1991**

Công ty được thành lập lại theo Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số 21/QĐ-UBT của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tên gọi: Công ty Cấp nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tên viết tắt: WASUCO). Tại thời điểm này, công suất cấp nước của Công ty theo thiết kế là 70.500 m<sup>3</sup>/ngày cung cấp cho gần 30.000 khách hàng.

**1992**

Thực hiện chủ trương chuyển đổi và sắp xếp Doanh nghiệp Nhà nước, Xí nghiệp Cấp nước Phú Mỹ được cổ phần hóa thành Doanh nghiệp độc lập với tên gọi "Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ", có nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước trên địa bàn huyện Tân Thành. Công ty Cấp nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (BWACO) theo Quyết định số 1855/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**2005**



Tiếp tục thực hiện quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, ngày 10/06/2007, UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định số 2175/QĐUBT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu thành công ty cổ phần.

**2007**

Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 4903000479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 17/11/2007 với mức vốn điều lệ là 164 tỷ đồng. Năng lực sản xuất của Công ty là 180.000 m<sup>3</sup>/ngày, Công ty có nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước cho địa bàn Thành phố Vũng Tàu, Thành phố Bà Rịa, 4 thị trấn, 9 xã và 1 khu công nghiệp với hơn 160.000 khách hàng.

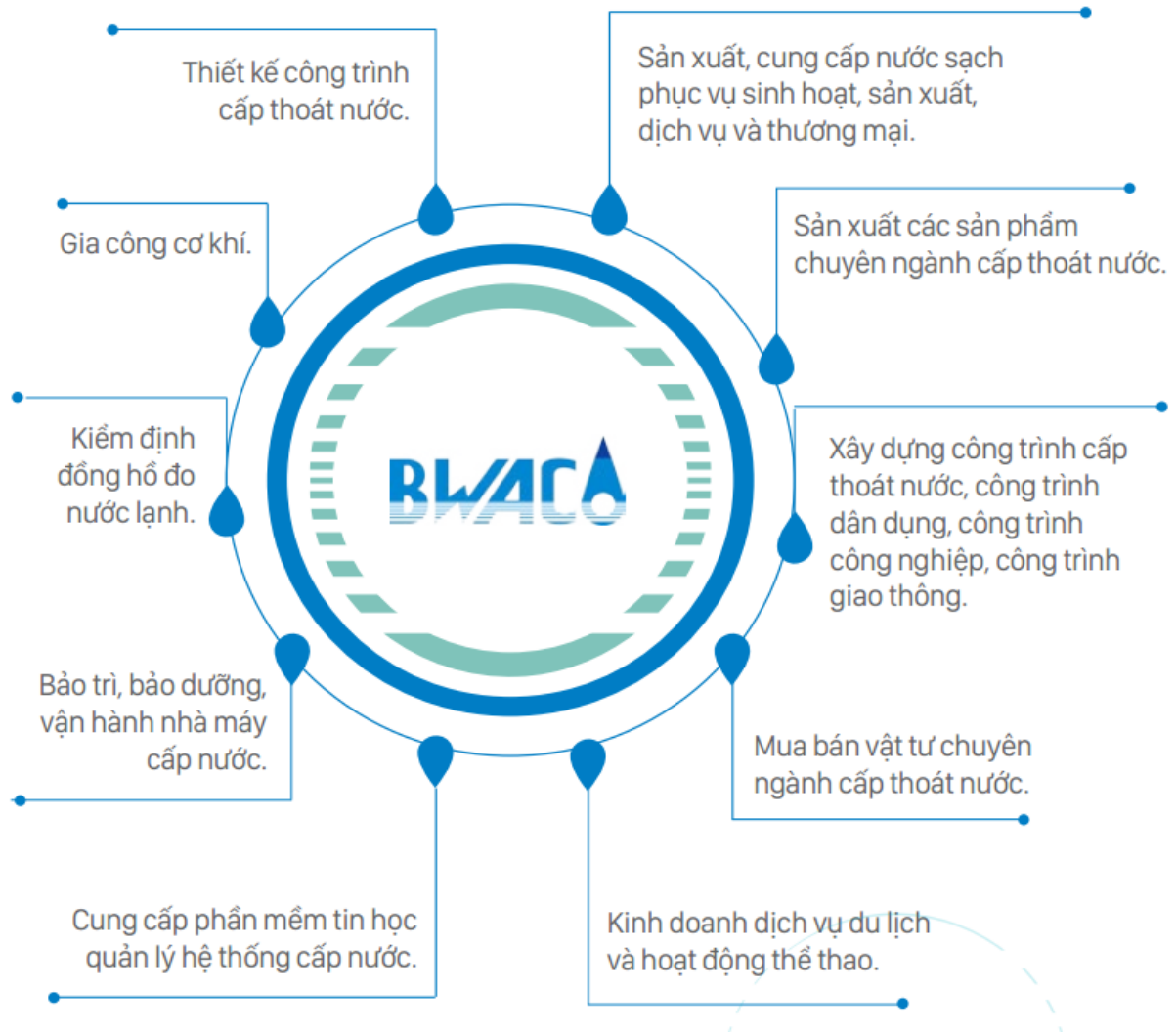
**2008 -  
2016**

Chính thức đăng kí giao dịch chứng khoán tập trung trên UPCOM.

**2017**



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH





### Địa bàn kinh doanh:

Công ty hiện đang sản xuất và cung cấp nước cho nhu cầu của người dân trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa, 4 thị trấn, 9 xã và 1 khu công nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với hơn 170.000 khách hàng mỗi năm. BWACO hiện đang quản lý vận hành các hệ thống cấp nước và nhà máy nước với tổng công suất 180.000 m<sup>3</sup>/ngày.

### Một số thành tựu đáng chú ý:



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



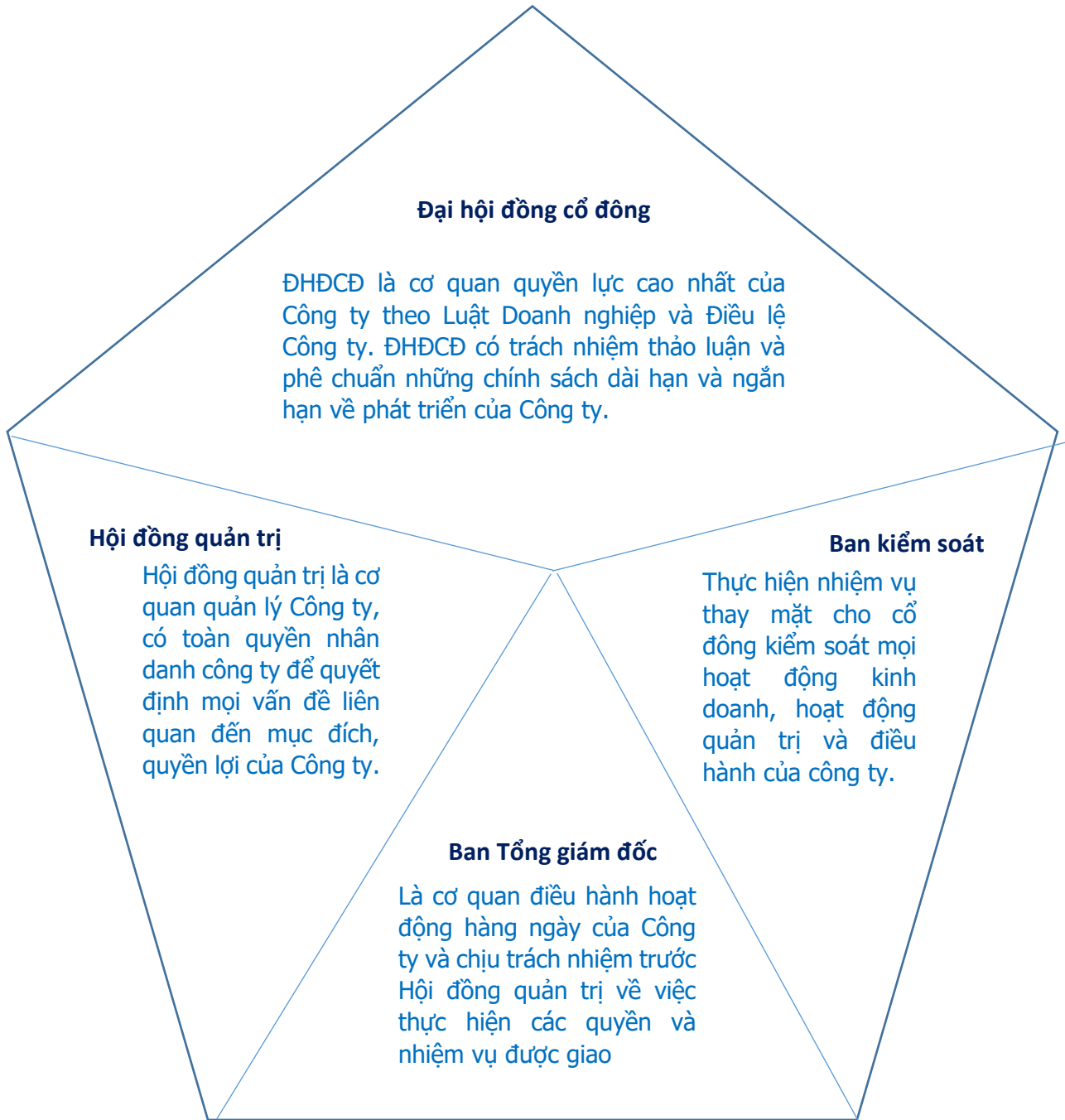
GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



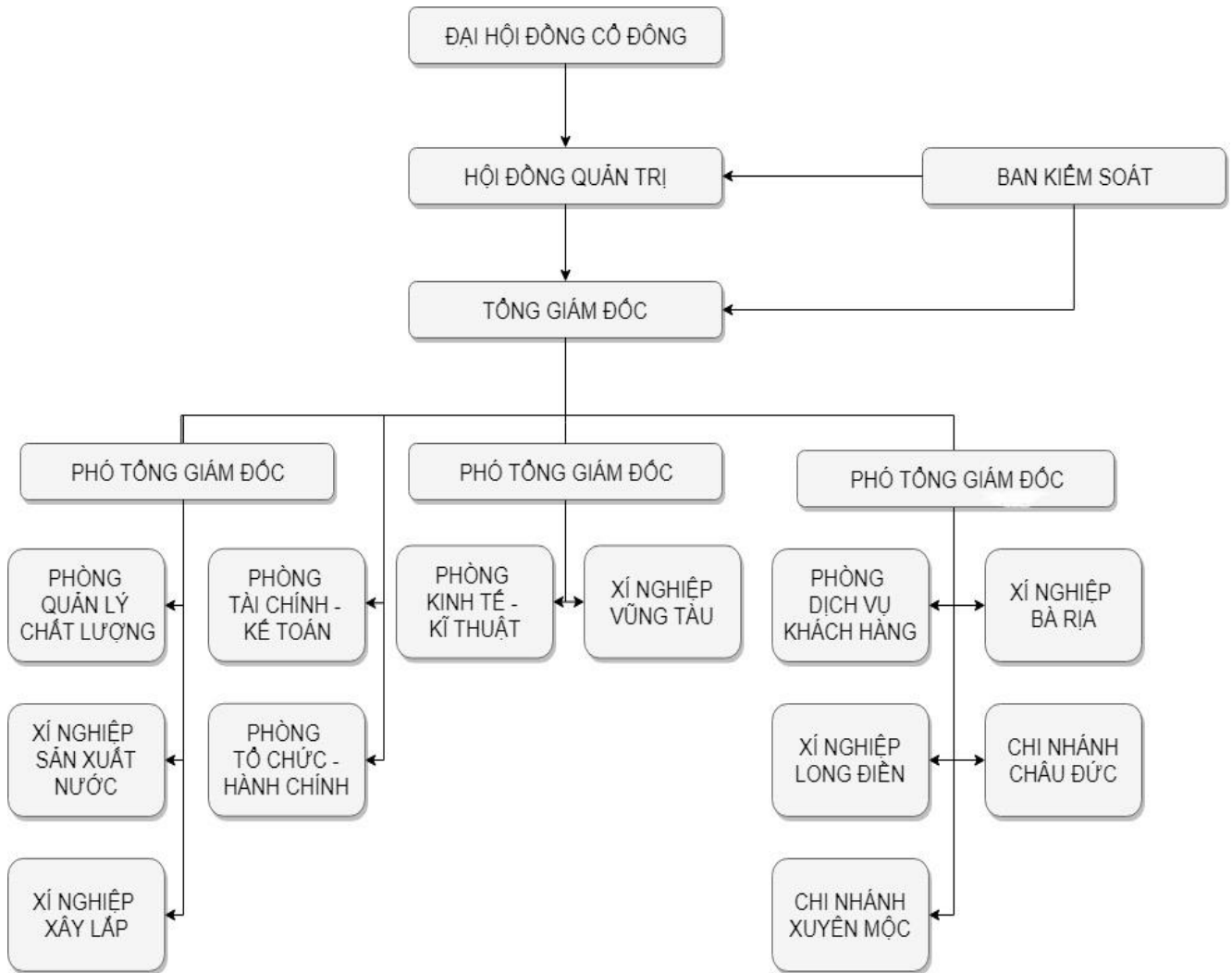
TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC

- Từ năm 2010 đến nay, tỷ lệ thất thoát nước luôn đạt < 10% là một trong số các công ty cấp nước có tỷ lệ thất thoát thấp nhất cả nước, được đánh giá là một trong những công ty hoạt động có hiệu quả cao trong ngành cấp nước ở Việt Nam.
- Ngày 30/09/2005, BWACO đã được Tổ chức Quốc tế BVQI cấp chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Ngày 28/09/2009, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng công nhận Đạt tiêu chuẩn hệ thống chất lượng ISO/IEC 17025:2005 cho phòng thí nghiệm.
- BWACO đã được Đảng và nhà nước trao tặng huân chương lao động hạng Ba vào năm 1991, hạng Nhì vào năm 1994 và hạng Nhất vào năm 2012. Năm 2009 và 2010, BWACO đón nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt. Ngoài ra, BWACO còn được nhận nhiều danh hiệu khen thưởng khác của Chính phủ, các Bộ, Ngành và UBND Tỉnh BR-VT.

## THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## Sơ đồ tổ chức





## Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết

### CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	: CTCP Cấp nước Phú Mỹ
Địa chỉ	: Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh BR-VT.
Điện thoại	: (0254) 3876576
Fax	: (0254) 3922009
Vốn điều lệ	: 260.000.000.000 đồng
Vốn góp của BWACO:	: 55.965.540.000 đồng (chiếm tỷ lệ 21,525% vốn điều lệ)
Lĩnh vực kinh doanh chính	: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

### CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	: CTCP Cấp nước Châu Đức
Địa chỉ	: KCN Đô thị Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh BR-VT.
Điện thoại	: (0254) 3591197
Fax	: (0254) 3833636
Vốn điều lệ	: 200.000.000.000 đồng
Vốn góp của BWACO:	: 16.200.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 8,1% vốn điều lệ)
Lĩnh vực kinh doanh chính	: Sản xuất và kinh doanh nước sạch.

**CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu
Địa chỉ	: 199 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, Tp.Vũng Tàu
Điện thoại	: 0254.3524418
Fax	: 0254.3811764
Vốn điều lệ	: 54.000.000.000 đồng
Vốn góp của BWACO	: 5.158.030.000 đồng (chiếm tỷ lệ 9,552% vốn điều lệ)
Lĩnh vực kinh doanh chính	: Dịch vụ vệ sinh đô thị

**CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên Công ty	: Công ty cổ phần Thể thao Vũng Tàu
Địa chỉ	: 262 Lê Lợi, phường 7, Tp.Vũng Tàu, tỉnh BR-VT.
Điện thoại	: (0254) 3573536
Fax	: (0254) 3573433
Vốn điều lệ	: 8.000.000.000 đồng
Vốn góp của BWACO:	: 2.800.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ)
Lĩnh vực kinh doanh chính	: Kinh doanh dịch vụ thể thao, du lịch.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Nhiệm vụ trọng tâm năm 2018

- ✓ Thi công tuyến ống nước sạch D1200-1000 từ NM Hồ Đá Đen về Vũng Tàu.
- ✓ Thi công ống D600 cấp nước cho Long Hải, Phước Tỉnh.
- ✓ Thi công ống D450 cấp nước cho Hóa Dầu Long Sơn.
- ✓ Đầu tư, cải tạo 22 km ống D100 ÷ 400 trên các địa bàn.
- ✓ Hoàn thành các hạng mục đầu tư cho CN Xuyên Mộc và Châu Đức
- ✓ Áp dụng việc ghi thu đồng thời cho toàn bộ các khu vực.
- ✓ Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- ✓ Thực hiện tốt công tác từ thiện, cộng đồng và truyền thông.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước.
- ✓ Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu trong khu vực Châu Á.
- ✓ Tiếp tục đầu tư tài chính chú trọng vào ngành nước.

## Các mục tiêu phát triển bền vững

- ✓ Cung cấp nước sạch, an toàn nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất và nhu cầu sinh hoạt của người dân trên địa bàn
- ✓ Sản xuất và kinh doanh nước sạch, bảo vệ sinh môi trường tại nơi khai thác (chấp hành nghiêm các quy định về quản lý chất thải, quy định xả thải theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường)
- ✓ Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm tại các hộ gia đình, cơ quan, xí nghiệp.
- ✓ Duy trì công tác từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp, thiết thực; từng bước xây dựng thương hiệu BWACO gắn liền với cộng đồng.



# NHÂN TỐ RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, các yếu tố kinh tế vĩ mô không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt của doanh nghiệp do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn của Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì thế, việc thường xuyên theo dõi và nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế là điều bắt buộc đối với doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành cấp nước nói riêng.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tổ chức và nhân sự**
- **Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**
- **Tình hình tài chính**
- **Cơ cấu cổ đông**
- **Báo cáo phát triển bền vững**



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

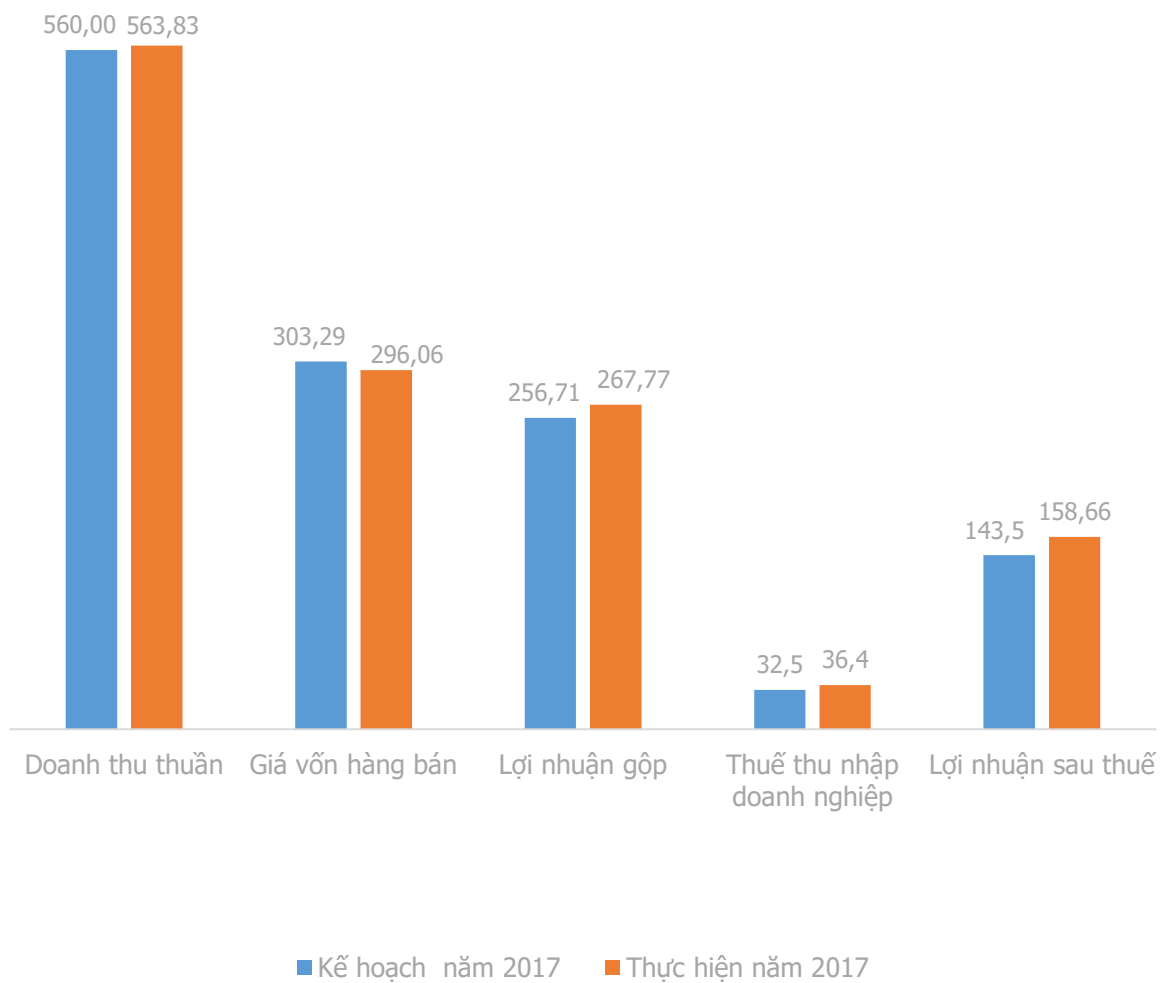
Mặc dù đã thực hiện nhiều giải pháp kích thích tăng trưởng khối lượng nước thương phẩm như mở rộng mạng lưới, rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ mới cho khách hàng nhưng do tình hình thời tiết 2017 mưa nhiều và lạnh nên nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất đều chưa đạt so với mục tiêu đề ra từ đầu năm. Cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Kế hoạch	Thực hiện 2017	So sánh kế hoạch	So sánh 2016
1	Nước máy sản xuất	1000 m3	56.174	55.110	98,1%	100,6%
2	Nước máy thương phẩm	1000 m3	51.830	50.816	98,0%	100,2%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	<8	7,59	-0,41%	0,34%
4	Số đầu nối mới	Đầu nối	8.000	6.984	87,3%	87,0%
5	Tổng số đầu nối	Đầu nối		171.677		



## Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Phần trăm hoàn thành
1	Doanh thu thuần	560,00	563,83	100,68 %
2	Giá vốn hàng bán	303,29	296,06	97,62%
3	Lợi nhuận gộp	256,71	267,77	104,31%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,5	36,4	112,00%
5	Lợi nhuận sau thuế	143,50	158,66	110,56%





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
Ông Đinh Chí Đức	Tổng Giám đốc	391.259	0,65%
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Tổng Giám đốc	377.602	0,63%
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Phó Tổng Giám đốc	373.048	0,62%
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	321.210	0,54%
Ông Nguyễn Quốc Huy	Kế toán trưởng	210.606	0,35%



LEADERSHIP

**Sơ yếu lý lịch ban điều hành**

Họ và tên: **ĐINH CHÍ ĐỨC**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 04/08/1960  
 Nơi sinh: Hà Tĩnh  
 CMND: 273383995 Ngày cấp: 31/01/2007 Nơi cấp: BR-VT  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: 19/2 đường 30/4, P.6, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
 Số ĐT liên lạc: (0254) 3832126  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước - ĐH Xây dựng Hà Nội  
 Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp - ĐH Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 - 1989	Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu	Cán bộ kỹ thuật
1989 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 1995 : Giám đốc Công ty Cấp nước tỉnh BR-VT Từ 2008 : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Cty CP Cấp nước BR-VT (Đến 2010 đổi thành Tổng Giám đốc)

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ



Họ và tên: **NGUYỄN LƯƠNG ĐIỀN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/10/1965

Nơi sinh: Nam Định

CMND: 273321353, ngày cấp: 07/11/2005, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 22 Lê Phụng Hiểu, P.8, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc: 0254.3839780

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước - ĐH Xây dựng Hà Nội  
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp - Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 2007	Công ty Cấp nước tỉnh BR - Vũng Tàu	Từ 2001 : Phó Ban QLDA
2007 - 2009	Công ty CP Cấp nước Châu Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Cấp nước Châu Đức
2009 đến nay	Công ty CP Cấp nước Bà Rịa - Vũng tàu	Từ 2009 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Cty CP cấp nước BR-VT (đến 2010 đổi thành Phó Tổng Giám đốc)
		Từ 2013 : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Cty CP Cấp nước BR-VT

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Châu Đức

Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN LẠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/12/1964

Nơi sinh: Hà Tĩnh

CMND: 273142745, ngày cấp: 21/8/2014, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 313/20 Nguyễn An Ninh - P.9 - TP. Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc: (0254) 3592766

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa nước Đại học Hóa Kỹ thuật PRAHA

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 – 1990	Công ty Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	Công nhân viên
1990 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 2003 : Phó Giám đốc Công ty Cấp nước tỉnh BR-VT. Từ 2008 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Cty CP Cấp nước BR-VT (Đến 2010 đổi thành Phó Tổng giám đốc)

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Họ và tên: **NGUYỄN CẢNH TÙNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 02/11/1965  
 Nơi sinh: Nghệ An  
 CMND: 040065000184, ngày cấp: 28/02/2017, nơi cấp: CCSDKQLCT và DLQ  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: 16A Nguyễn Trung Trực - P.9 - TP. Vũng Tàu  
 Số ĐT liên lạc: (0254) 3838181  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước - ĐH Xây dựng Hà Nội  
 Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp - Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1989 - 1991	Công ty Xây dựng Lọc hóa dầu Long Thành	Công nhân viên
1991 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 2008 : Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng KT-KT. Từ 2009 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Cty CP cấp nước BR-VT (Đến 2010 đổi thành Phó Tổng giám đốc)

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ năm giữ tại tổ chức khác: Không có



Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC HUY**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/12/1975

Nơi sinh: Nghệ An

CMND: 273435772 Cấp ngày 12/4/2008 nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 14/29 Vi Ba, Phường 6, TP.Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc: (0254) 3592944

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến nay	Công ty CP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 2013 : Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

**Thay đổi nhân sự Ban điều hành**

Không có

**Số lượng cán bộ nhân viên năm 2017**

Tính đến 31/12/2017, tổng số lao động của Công ty là 443 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	123	28%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	72	16%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	152	34%
4	Lao động phổ thông	96	22%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>		
1	Toàn thời gian	443	100%
2	Bán thời gian	0	0
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	320	72%
2	Nữ	123	28%
<b>Tổng cộng</b>			



## Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

### Chế độ làm việc :

Các CB.CNV được sắp xếp bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người lao động; Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.

100% CB CNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ ốm, nghỉ phép...v.v.. và các chế độ khen thưởng phúc lợi khác); khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu tại các cơ sở y tế uy tín.

Trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc: đồng phục, bảo hộ lao động, chi phí xăng xe máy cá nhân, các máy móc dụng cụ phục vụ công việc.

Tổ chức đào tạo, huấn luyện với nhiều nội dung đa dạng, thiết thực nhằm nâng cao kiến thức cho CB.CNV.

### Chính sách tiền lương

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động.

Công ty thực hiện trích nộp BHXH theo quy định của Nghị định 115/2015/NĐCP ngày 11/11/2015.

### Chính sách khen thưởng, phúc lợi

Công ty xét thưởng kịp thời cho các cá nhân, đơn vị có sáng kiến trong sản xuất kinh doanh. Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp bình xét các tập thể, cá nhân xuất sắc để khen thưởng bằng tiền, hiện vật hoặc cử đi tham quan du lịch trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như 30/04, Quốc khánh 02/09, Tết dương lịch 01/01,...

Ngoài các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động đi tham quan, du lịch hàng năm; Đầu tư sân tập luyện, tổ chức các giải thể thao, động viên, khuyến khích CB.CNV tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe.

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của pháp luật.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

Dự án tuyến ống D1200-1000 từ NM Hồ Đá Đen về Vũng Tàu và D600 từ Bà Rịa về Long Hải, Phước Tỉnh: Đã hoàn thành thiết kế, thẩm tra, đấu thầu mua sắm; Đang tiến hành thi công. Dự án đang thực hiện đúng tiến độ.



Đầu tư xây mới các công trình cho CN Xuyên Mộc và Châu Đức sau gần 20 năm sử dụng đã xuống cấp và không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất:

- Bình Châu: Xây mới trạm bơm, cải tạo bể lắng đứng lamen, thảm nhựa đường nội bộ.
- Phước Bửu: Lắp thêm ống nước thô D200; xây mới trạm bơm, nhà hóa chất, bể chứa 400 m<sup>3</sup>, bể lắng đạt CS xử lý 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.



- Châu Đức: Lắp thêm ống nước thô, nước sạch D300 dài 10,3 km, xây mới cụm xử lý, bể chứa 400 m<sup>3</sup>, hệ thống xử lý bùn, nhà hóa chất,... đạt công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.
- Hoàn thành cải tạo một số tuyến ống cũ tại Tp. Vũng Tàu: ống D400 Lê Lợi; ống D200 Nguyễn Thái Học; ống D100, D200 Nam Kỳ Khởi Nghĩa....



### Tài chính các công ty con và công ty liên kết

Các công ty liên kết mà BWACO góp vốn đầu tư đều hoạt động có hiệu quả, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tổng số vốn góp của BWACO theo mệnh giá (Tỷ đồng)	Cổ tức (%)
Công ty CP Cấp nước Phú Mỹ	55,97	20
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	16,2	20
Công ty CP Thể thao Vũng Tàu	2,8	4,3
Công ty CP DV MT & CTĐT Vũng Tàu	5,15	20





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Theo BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017

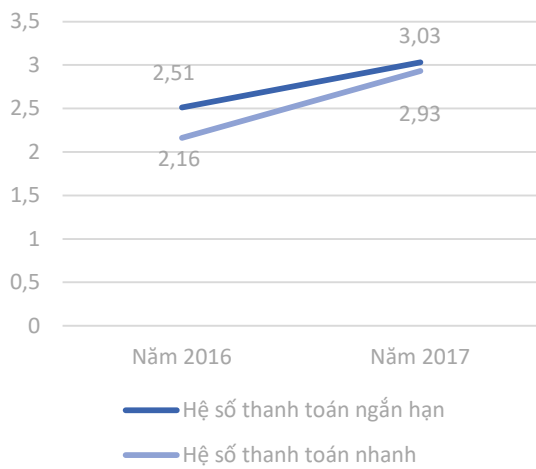
Chỉ tiêu	Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2017 (tỷ đồng)
Tổng giá trị tài sản	586,6	761,0
Doanh thu thuần	534,00	563,83
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	171,17	195,05
Lợi nhuận khác	0,02	(0,03)
Lợi nhuận trước thuế	171,19	195,02
Lợi nhuận sau thuế	139,63	158,66

### Một số chỉ số tài chính chủ yếu

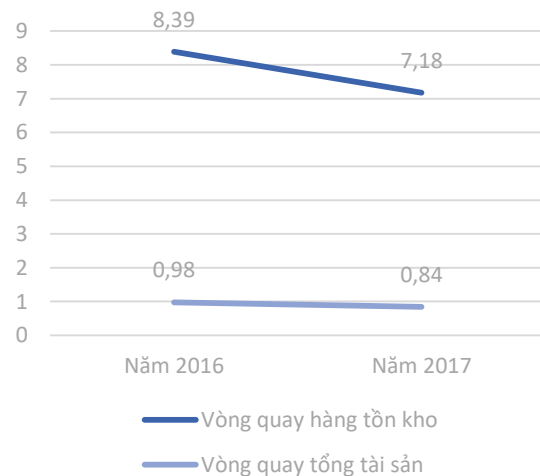
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,51	3,30
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,16	2,93
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,0%	16,9%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	23,4%	20,4%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,39	7,18
Vòng quay tài sản	Vòng	0,98	0,84
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	26,15%	28,14%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	33,11%	28,65%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	25,69%	23,55%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	32,06%	34,59%



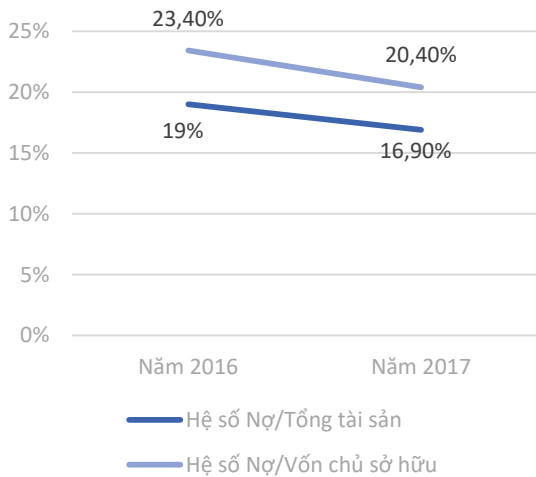
### Khả năng thanh toán



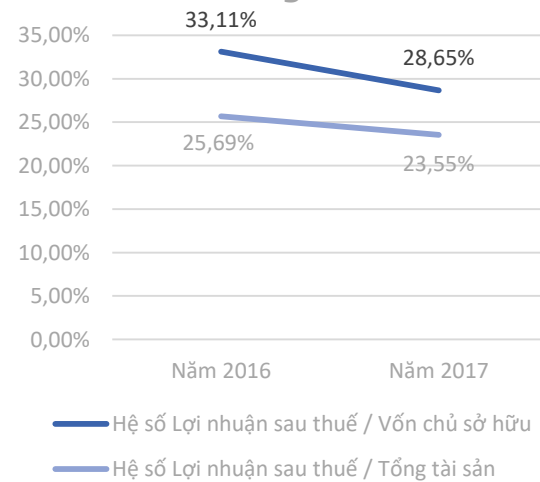
### Năng lực hoạt động



### Cơ cấu vốn



### Khả năng sinh lời



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

✓ Cổ phần (tính đến ngày 06/03/2018)

– Tổng số cổ phần: 60.000.000 cổ phiếu

*Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 60.000.000 cổ phiếu*

*Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu*

– Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

– Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	22.836.733	228.367.330.000	38,06%
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>			
	Cổ đông cá nhân	11.780.181	117.801.810.000	19,63%
	Cổ đông tổ chức	25.229.641	252.296.410.000	42,05%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
	Cổ đông tổ chức	61.300	613.000.000	0,10%
	Cổ đông cá nhân	92.145	921.450.000	0,15%
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**Danh sách cổ đông lớn**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT	22.836.733	228,367	38,06%
2	Tỉnh uỷ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT	6.622.652	66,227	11,04%
3	Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	H.Tân Thành, tỉnh BR-VT	3.192.551	31,926	5,32%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Sau khi Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 465 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không có



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### Đối với cộng đồng, xã hội

Thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội với tổng số tiền là 2,2 tỷ đồng từ quỹ phúc lợi của Công ty và đóng góp tự nguyện của CB.CNV cho các hoạt động như sau: tặng quà cho các gia đình nghèo, hỗ trợ các bếp ăn từ thiện, ủng hộ hội người mù, xây dựng nhà Đại Đoàn Kết ...

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đồng)
1	Tặng quà cho các gia đình nghèo	1.002.800.000
2	Hỗ trợ các bếp ăn từ thiện	162.000.000
3	Tặng quà cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn	80.000.000
4	Phụng dưỡng 2 mẹ VNAH	53.000.000
5	Ủng hộ Hội người mù	50.000.000
6	Ủng hộ hội người khuyết tật TP.VT	40.000.000
7	Xây dựng, sửa chữa nhà Đại đoàn kết (6 căn)	280.000.000
8	Ủng hộ Quỹ khuyến học tỉnh	50.000.000
9	Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" và "Vì người nghèo" tỉnh	50.000.000
10	Quỹ nạn nhân Chất độc da cam DIOXIN	50.000.000
11	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh	30.000.000
12	Ủng hộ các tỉnh miền Trung bị lũ lụt	50.000.000
13	Ủng hộ khác (đối tượng chính sách, người khuyết tật, trẻ em nghèo, bảo lụt, các hoạt động XH...)	302.838.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.200.638.000</b>

### Tiêu thụ nước trong năm

- Tiêu thụ nước thô : 54.908.412 m<sup>3</sup>
- Nguồn cung cấp nước: Các hồ Đá Đen, Bà Tô, Kim Long, Suối Các và nước ngầm

### Đối với môi trường

Công ty luôn cụ thể hóa Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường để đáp ứng những tình huống mới phát sinh ở hiện tại và tương lai. Các hành vi làm tổn hại nguồn nước được chế tài bằng công cụ luật pháp. Bên cạnh đó Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các hoạt động giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng trong việc giữ gìn môi trường, bảo vệ rừng xanh, sử dụng nước tiết kiệm và chống các biểu hiện làm suy thoái nguồn nước.

### Chính sách liên quan đến người lao động

- Các CB.CNV được sắp xếp bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người lao động; Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tuyển dụng : Công ty ưu tiên tuyển những lao động có tay nghề phù hợp với công việc sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đào tạo : Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực. Các CBCNV được tham gia nhiều khóa đào tạo nội bộ và từ các cơ sở đào tạo chất lượng bên ngoài để nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc sản xuất kinh doanh.







# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- **Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Bối cảnh chung

- Tình hình sản xuất nhìn chung ổn định, các chi phí đầu vào cho sản xuất như hóa chất, điện, xăng dầu, vật tư, thiết bị lắp đặt,... tăng giá nhưng không nhiều, khoảng 3% đến 5%
- Thời tiết lạnh và mưa nhiều trong năm 2017 khiến cho nhu cầu dùng nước của các hộ gia đình trong sinh hoạt hằng ngày giảm. Đối với nhu cầu sản xuất kinh doanh, nhu cầu dùng nước của khối dịch vụ dầu khí trên địa bàn tỉnh giảm.
- Việc phát triển thêm đầu nổi trên địa bàn đã có dấu hiệu bắt đầu suy giảm.

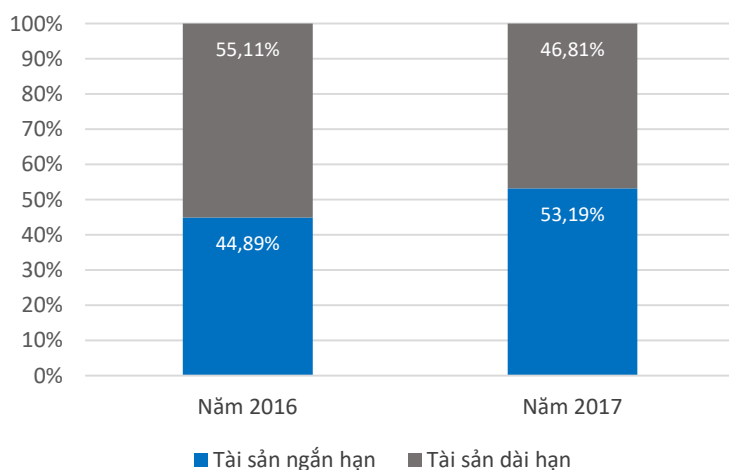
- Các hoạt động khác như : Đầu tư xây dựng cơ bản, đào tạo, các hoạt động từ thiện, cộng đồng đều đạt các mục tiêu đã đề ra.
- Ứng dụng tốt CNTT trong quản lý: Ngoài việc phát triển ứng dụng các phần mềm Quản lý hiện có như Quản lý khách hàng; Quản lý mạng lưới B-GIS, phần mềm ghi chỉ số ĐH trên điện thoại di động, hóa đơn điện tử v.v... đã làm từ các năm trước, trong năm 2017 đã phát triển thêm phần mềm in phiếu tính tiền nước ngay khi ghi chỉ số đồng hồ tiêu thụ nước hàng tháng.
- Duy trì và thực hiện các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát như đưa ĐH khách hàng ra ngoài, phát hiện và ngăn chặn sử dụng nước trái phép, dò tìm rò rỉ, v.v. để duy trì và đạt tỷ lệ thất thoát nước ở mức dưới 8%.
- Nhân viên giao dịch trực tiếp với khách hàng: tận tâm, chu đáo, tôn trọng khách hàng, không nhận tiền bồi dưỡng.
- Trong năm 2017, các hoạt động liên quan đến môi trường, cộng đồng xã hội được duy trì đều đặn, tổ chức cho 20 trường học tập ngoại khóa tại nhà máy Hồ Đá Đen với tổng số học sinh tham gia là 2.000 cháu.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Theo BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	263,3	404,8	53,4%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	323,3	356,2	10,0%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>586,6</b>	<b>761,0</b>	<b>29,7%</b>



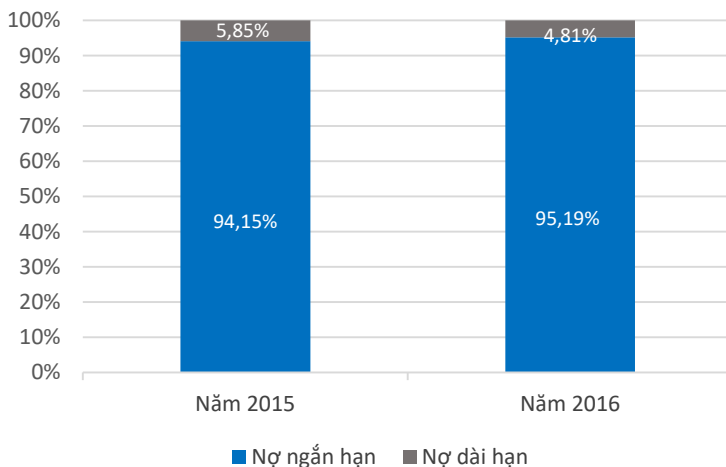
Tổng tài sản năm 2017 tăng 29,7% so với năm 2016, đạt giá trị hơn 761 tỷ đồng. Theo đó, Công ty gần như thay đổi cơ cấu tài sản ngắn hạn so với tài sản dài hạn. Cơ cấu ngắn hạn đã vươn lên chiếm hơn 53% trong tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn tuy đã tăng lên 10% so với năm trước nhưng chỉ còn chiếm 46,81% trong tổng tài sản của Công ty. Nguyên nhân của sự thay đổi trên là do gửi tiền có kỳ hạn tăng mạnh, gấp 3 lần so với năm 2016.







Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	104,7	122,6	17,1%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	6,4	6,1	(4,7%)
<b>Tổng nợ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>111,2</b>	<b>128,8</b>	<b>15,8%</b>



Tổng nợ phải trả của Công ty tăng 15,8% chủ yếu từ các khoản vay tài chính ngắn. Các khoản vay ngắn hạn vẫn chiếm chủ yếu trong tổng nợ và được sử dụng chủ yếu cho việc bổ sung nguồn vốn phục vụ các dự án nhà máy nước và nâng cấp các tuyến ống cấp nước hiện có. Theo đó, khoản mục nợ ngắn hạn tăng 17,1% và nợ dài hạn giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



Công ty luôn chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức Công ty được sắp xếp bố trí hợp lý, tinh giảm gọn nhẹ, tiết kiệm nguồn nhân lực. Giao trách nhiệm và giao quyền chủ động cho cán bộ quản lý từng đơn vị và phòng ban chức năng do đó bộ máy Công ty luôn vận hành có hiệu quả tốt.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2018



STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	606
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	212
3	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ DTT	%	34,98%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ VCSH	%	33,18%
5	Cổ tức/ VĐL	%	≥ 21%

### Kế hoạch phát triển trong 2018

- Nước thương phẩm đạt : trên 49 triệu m3
- Tỷ lệ thất thoát giữ ở mức : dưới 8 %
- Tổng số đầu nôi đạt : 177.000 đầu nôi
- Tổng doanh thu : 606 tỷ đồng
- Trong đó :
  - + Kinh doanh nước : 577 tỷ đồng
  - + Lắp đặt : 08 tỷ đồng
  - + Tài chính, khác : 21 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức không thấp hơn 21%/VĐL (VĐL: 600 tỷ đồng)



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty**
- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành**
- **Định hướng kế hoạch năm 2018**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

### Thuận lợi

- Sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của lãnh đạo Tỉnh, HĐND, UBND Tỉnh và các sở, ban, ngành của Tỉnh đối với sự phát triển của các Doanh nghiệp trên địa bàn, sự hỗ trợ của các đơn vị bạn.
- Công ty đã xây dựng được giá trị thương hiệu trong lĩnh vực cấp nước tại Bà Rịa - Vũng Tàu cũng như trong toàn quốc. Tình hình tài chính Công ty ổn định; năng lực, chất lượng dịch vụ và uy tín với khách hàng ngày càng được nâng cao. Các nhà máy, mạng lưới đường ống đã được cải tạo nâng cấp toàn diện, một số công trình đang thiết kế và xây dựng chuẩn bị cho nhu cầu phát triển 5 năm tới. Công ty đã, đang và sẽ phối hợp cùng CTCP Cấp nước Phú Mỹ, CTCP Cấp nước Châu Đức tạo thế ổn định vững chắc, đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn Tỉnh.
- Sự đoàn kết, nhất trí cao của HĐQT, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty trong việc quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cùng với sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết của của tập thể CBCNV Công ty sẽ là yếu tố nhân lực quan trọng giúp Công ty khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trải qua hơn 9 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững, phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp với mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường, tạo được sự an tâm và gắn bó lâu dài của CBCNV đối với Công ty, khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.
- Sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu, ít bị cạnh tranh và thay đổi nhu cầu sử dụng. Bên cạnh đó, Công ty có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh, am hiểu tốt về thị trường nên có thị phần tiêu thụ ổn định.



## Khó khăn

- Đặc thù của Công ty đi đôi với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn phải hoàn thành nhiệm vụ chính trị xã hội là cung cấp đầy đủ nước sạch cho các đối tượng sinh hoạt vùng nông thôn có thu nhập thấp, các hộ đồng bào dân tộc ít người với giá bán thấp hơn giá thành sản xuất.
- Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng chưa bền vững, khó lường. Những năm tới, tình hình chung của Tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn phần nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nhu cầu nước sinh hoạt tương đối bão hòa, sự phục hồi chậm của nền kinh tế dẫn đến chưa có nhiều đơn vị đầu tư vào các Khu công nghiệp; Biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước có thể gây nguy cơ thiếu nguồn nước trong các mùa khô. Giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất như điện, hóa chất, nước thô, xăng dầu, vật tư lắp đặt đường ống, nhân công,... biến động có xu hướng tăng, làm tăng chi phí sản xuất.

## Vị thế Công ty

- Đến nay, Công ty có hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, tạo dựng uy tín với các đối tác, khách hàng và đã tạo dựng được một cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh phục vụ cho việc phát triển trong tương lai.
- Với năng lực sản xuất năm 2017 của Công ty là 180.000 m<sup>3</sup>/ngày, hệ thống phân phối nước của Công ty rộng khắp các địa bàn trong Tỉnh như Thành phố Bà Rịa, Thành phố Vũng Tàu, huyện Long Điền, huyện Xuyên Mộc và huyện Châu Đức, Công ty đã đảm nhận việc cung cấp nước cho các khu vực Tp.Vũng Tàu, Tp.Bà Rịa, 04 thị trấn, 09 xã và 01 Khu Công nghiệp với hơn 170.000 khách hàng. Đến nay, tỷ lệ số hộ dân dùng nước các khu vực đô thị của Tỉnh đã đạt trên 95%.
- Ngoài ra, Công ty còn góp vốn vào hai đơn vị liên kết là CTCP Cấp nước Phú Mỹ và CTCP Cấp nước Châu Đức. Điều này góp phần giúp BWACO tạo thế ổn định vững chắc, đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Hiện tại, Công ty đang có kế hoạch đầu tư một số dự án nhằm nâng công suất nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước. Trên cơ sở đó, Công ty đã lên kế hoạch tăng vốn điều lệ tương ứng với việc mở rộng quy mô hoạt động. Với những bước đi này, năng lực sản xuất và cung ứng dịch vụ của Công ty sẽ được gia tăng đáng kể, khả năng cạnh tranh của Công ty sẽ được cải thiện tốt hơn, đồng thời tạo một tiền đề vững chắc giúp Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2017, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo hàng quý. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.





## ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2018

### Các công việc chính cần thực hiện

- Nước thương phẩm đạt trên 49 triệu m<sup>3</sup>
- Tổng số đầu nổi đến 31/12/2018 đạt 177.000 đầu nổi.
- Phần đầu giữ lệ thất thoát nước ở mức dưới 8%.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát. Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.
- Kiểm tra phát hiện sử dụng nước vi phạm để giảm nước thất thoát, thất thu.
- Thực hiện ghi thu đồng thời và triển khai phối hợp tốt thu tiền nước qua hệ thống các Ngân hàng, các đơn vị tài chính trung gian.

### Về đối nội

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, duy trì bộ máy quản lý hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ các chi phí.
- Quan tâm đến người lao động để tạo động lực làm việc, nâng cao chất lượng và hiệu suất công việc.

### Về đối ngoại

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đầu tư tài chính vào lĩnh vực an toàn, ổn định.
- Thực hiện tốt công tác quan hệ truyền thông, cộng đồng, từ thiện.
- Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan quản lý địa phương về bảo vệ nguồn nước, phối hợp gia cố, di dời và bảo vệ đường ống cấp nước trong công tác làm mới, mở rộng đường,...





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN NĂM 2017**

---



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 37
8. Phụ lục	38

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Cấp nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại : (84-254) 3 838 324
- Fax : (84-254) 3 833 636

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp xây lắp	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Bà Rịa	Số 4 đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp sản xuất nước	Khu phố 4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trám, vá, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo quy định của Nhà nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Bà Lê Minh Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Như Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Châu Trục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Chí Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,  


**Đình Chí Đức**  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 02 năm 2018





Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,  
Phước Hải Ward, Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 1.0233/18/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Lý Quốc Trường - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>404.819.164.523</b>	<b>263.298.566.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.513.956.546</b>	<b>62.351.822.973</b>
1. Tiền	111		1.658.956.546	3.251.822.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.855.000.000	59.100.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>278.575.000.000</b>	<b>83.450.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	278.575.000.000	83.450.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.982.245.681</b>	<b>79.426.167.749</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	50.298.660.412	48.341.006.762
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.697.066.617	7.675.811.033
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	16.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.241.886.153	8.989.849.304
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.255.367.501)	(1.580.499.350)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>45.779.661.157</b>	<b>36.730.185.113</b>
1. Hàng tồn kho	141		46.104.472.597	36.730.185.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(324.811.440)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.968.301.139</b>	<b>1.340.390.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.727.513.159	1.340.390.830
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	240.787.980	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

P.N.Đ  
 TRƯỞNG  
 KIỂM  
 TÍNH ĐƠN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>356.195.603.011</b>	<b>323.291.536.087</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>264.570.733.977</b>	<b>265.309.624.023</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	264.570.733.977	265.309.624.023
- Nguyên giá	222		911.714.738.922	853.795.773.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(647.144.004.945)	(588.486.149.266)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.913.734.819	1.913.734.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.913.734.819)	(1.913.734.819)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.492.110.150</b>	<b>17.499.153.180</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	27.492.110.150	17.499.153.180
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>64.132.758.884</b>	<b>40.482.758.884</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	37.838.387.984	35.138.387.984
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.344.370.900	5.344.370.900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	20.950.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>761.014.767.534</b>	<b>586.590.102.752</b>

0044  
CÔNG  
H NHIỆM  
TOÁN V  
A &  
H - T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>128.760.762.952</b>	<b>111.180.985.285</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.627.403.070</b>	<b>104.733.094.127</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.903.685.792	18.262.774.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	385.887.000	3.264.171.078
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	20.567.598.190	9.988.506.836
4. Phải trả người lao động	314	V.14	30.373.417.876	30.154.875.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.038.602.545	4.276.367.294
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	36.810.462.199	24.679.476.609
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	3.459.844.061	3.145.312.785
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.087.905.407	10.961.609.119
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.133.359.882</b>	<b>6.447.891.158</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	6.133.359.882	6.447.891.158
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815-  
TY  
HỮU  
HẠN  
C  
HỒ CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>632.254.004.582</b>	<b>475.409.117.467</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>632.254.004.582</b>	<b>475.409.117.467</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	600.000.000.000	465.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	465.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	1.611.402.000	1.611.402.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	23.928.825.490	7.427.713.711
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	6.713.777.092	1.370.001.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.370.001.756	1.370.001.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.343.775.336	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>761.014.767.534</b>	<b>586.590.102.752</b>



Đinh Thị Quỳnh Trang  
Người lập





Nguyễn Quốc Huy  
Kế toán trưởng

Đinh Chí Đức  
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	563.830.767.391	533.997.060.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		563.830.767.391	533.997.060.923
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	296.057.569.258	299.860.320.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		267.773.198.133	234.136.740.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.728.480.385	20.449.177.021
7. Chi phí tài chính	22		262.125.772	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		262.125.772	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	60.480.373.014	47.301.266.511
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	38.712.661.007	36.110.197.223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		195.046.518.725	171.174.453.740
11. Thu nhập khác	31	VI.6	812.791.942	825.039.620
12. Chi phí khác	32	VI.7	840.181.726	809.293.611
13. Lợi nhuận khác	40		(27.389.784)	15.746.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		195.019.128.941	171.190.199.749
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	36.356.122.187	31.563.572.270
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>158.663.006.754</u>	<u>139.626.627.479</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>2.751</u>	<u>2.708</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>2.751</u>	<u>2.708</u>



*(Handwritten signature)*

Đinh Thị Quỳnh Trang  
Người lập

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Quốc Huy  
Kế toán trưởng

Đinh Chí Đức  
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		195.019.128.941	171.190.199.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	61.278.009.649	66.553.650.692
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	(320.409)	617.535.350
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(26.634.008.494)	(20.252.674.700)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		229.662.809.687	218.108.711.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.233.520.543)	(2.935.262.041)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.374.287.484)	(2.007.980.200)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.998.530.661	(13.184.983.280)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(25.651.171.469)	(35.194.194.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(19.691.823.351)	(20.012.484.522)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>171.710.537.501</b>	<b>144.773.806.919</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10	(70.610.015.490)	(79.268.911.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8; VI.7	26.363.636	34.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(482.900.000.000)	(83.450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		282.825.000.000	22.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(2.700.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	29.060.247.926	11.939.803.553
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(244.298.403.928)</b>	<b>(128.744.562.659)</b>

00  
CÔ  
HN  
TOM  
A  
H.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	135.000.000.000	12.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	89.123.595.977	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(89.123.595.977)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16; V.19	(113.250.000.000)	(28.800.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>21.750.000.000</i></u>	<u><i>(16.800.000.000)</i></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(50.837.866.427)</b>	<b>(770.755.740)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>62.351.822.973</b>	<b>63.122.578.713</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>11.513.956.546</b></u>	<u><b>62.351.822.973</b></u>

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2018



Đinh Thị Quỳnh Trang  
Người lập



Nguyễn Quốc Huy  
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức  
Tổng Giám đốc

498  
IG T  
IEM H  
NVA  
&  
C.P.H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; xây dựng công trình cấp thoát nước.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty***Các Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	Ấp Ngọc Há, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất nước sạch	21,53%	21,53%	21,53%
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiên thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC)	262 Lê Lợi, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dịch vụ du lịch	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức <sup>(1)</sup>	Khu công nghiệp đô thị Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất nước sạch	8,1%	8,1%	8,1%

<sup>(1)</sup> Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức ít hơn 20% nhưng Công ty có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Cấp nước Vũng Tàu	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Cấp nước Bà Rịa	Số 4 đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Sản xuất nước	Khu phố 4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 440 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 415 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**  
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

309  
 CÔ  
 CH  
 TON  
 A  
 VN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14981  
NG T  
IỂM HỮU  
N VÀ T  
& C  
P.HỒ



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **9. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp nước***

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	541.543.703	330.504.716
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.117.412.843	2.921.318.257
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	9.855.000.000	59.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.513.956.546</u></b>	<b><u>62.351.822.973</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	278.575.000.000	278.575.000.000	83.450.000.000	83.450.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	20.950.000.000	20.950.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>299.525.000.000</u></b>	<b><u>299.525.000.000</u></b>	<b><u>83.450.000.000</u></b>	<b><u>83.450.000.000</u></b>

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b><u>37.838.387.984</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>35.138.387.984</u></b>	<b><u>-</u></b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ <sup>(i)</sup>	18.688.387.984	-	18.688.387.984	-
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) <sup>(ii)</sup>	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức <sup>(iii)</sup>	16.350.000.000	-	13.650.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b><u>5.344.370.900</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.344.370.900</u></b>	<b><u>-</u></b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu <sup>(iv)</sup>	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-
<b>Cộng</b>	<b><u>43.182.758.884</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>40.482.758.884</u></b>	<b><u>-</u></b>

<sup>(i)</sup> Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ 18.688.387.984 VND tương đương 5.596.554 cổ phiếu, chiếm 21,53% vốn điều lệ.<sup>(ii)</sup> Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC) 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.<sup>(iii)</sup> Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức 13.650.000.000 VND tương đương 1.350.000 cổ phiếu, chiếm 10,38% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã mua thêm 270.000 cổ phiếu từ chương trình phát hành thêm cổ phiếu ra bên ngoài để tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 8,1% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

(iv) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ</b>		
Cung cấp nước	3.314.952.000	1.380.555.000
Cổ tức phải trả	6.385.102.000	9.236.589.200
Cổ tức được chia	11.193.108.000	1.583.901.600
Xây lắp công trình	-	14.003.761.390

**Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu**

Cổ tức được chia	122.500.000	105.000.000
------------------	-------------	-------------

**Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức**

Cung cấp dịch vụ vận hành	2.106.508.000	1.980.000.000
Lãi tiền cho vay	708.380.915	1.553.120.278
Cổ tức được chia	1.620.000.000	3.510.000.000
Mua vật tư	19.987.000	-

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng cung cấp nước	43.897.789.449	44.161.039.347
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	6.369.879.359	4.179.967.415
Phải thu các khách hàng khác	30.991.604	-
<b>Cộng</b>	<b>50.298.660.412</b>	<b>48.341.006.762</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Trường Tiến	-	1.187.254.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế CPT	-	2.934.196.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phước Thịnh	6.308.372.850	-
Các nhà cung cấp khác	4.388.693.767	3.554.360.633
<b>Cộng</b>	<b>10.697.066.617</b>	<b>7.675.811.033</b>

4498  
 NG T  
 HIỆM H  
 AN VÀ T  
 & C  
 T.P.H.C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	<b>6.946.554.000</b>	-
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ - Cổ tức được chia	-	-	5.596.554.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức - Cổ tức được chia	-	-	1.350.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>6.241.886.153</b>	-	<b>2.043.295.304</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	6.224.960.153	-	1.653.070.304	-
Tạm ứng	-	-	372.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.926.000	-	18.225.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.241.886.153</b>	-	<b>8.989.849.304</b>	-

**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Khang Linh - Phải thu doanh thu xây lắp	Trên 03 năm	962.964.000	-	Trên 03 năm	962.964.000	-
Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Phải thu doanh thu xây lắp		-	-	Trên 03 năm	617.535.350	-
Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	Trên 03 năm	292.403.501	-	Trên 03 năm	292.403.501	292.403.501
<b>Cộng</b>		<b>1.255.367.501</b>	-		<b>1.872.902.851</b>	<b>292.403.501</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.580.499.350	962.964.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	617.535.350
Hoàn nhập dự phòng	(325.131.849)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.255.367.501</b>	<b>1.580.499.350</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.538.214.153	-	19.819.670.914	-
Công cụ, dụng cụ	82.889.611	-	5.273.455	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.483.368.833	(324.811.440)	16.905.240.744	-
<b>Cộng</b>	<b>46.104.472.597</b>	<b>(324.811.440)</b>	<b>36.730.185.113</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	324.811.440
<b>Số cuối năm</b>	<b>324.811.440</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	171.804.316.447	89.980.258.567	586.186.002.238	5.825.196.037	853.795.773.289
Đầu tư XDCB hoàn thành	25.750.915.062	5.024.810.045	29.503.487.959	337.845.454	60.617.058.520
Thanh lý, nhượng bán	(1.689.103.715)	(768.418.277)	(240.570.895)	-	(2.698.092.887)
<b>Số cuối năm</b>	<b>195.866.127.794</b>	<b>94.236.650.335</b>	<b>615.448.919.302</b>	<b>6.163.041.491</b>	<b>911.714.738.922</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.602.676.766	74.821.092.267	331.379.206.735	4.574.674.037	443.377.649.805
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	105.505.178.113	80.520.157.333	397.714.162.172	4.746.651.648	588.486.149.266
Khấu hao trong năm	14.033.888.741	6.842.232.229	39.618.139.209	783.749.470	61.278.009.649
Thanh lý, nhượng bán	(1.611.164.798)	(768.418.277)	(240.570.895)	-	(2.620.153.970)
<b>Số cuối năm</b>	<b>117.927.902.056</b>	<b>86.593.971.285</b>	<b>437.091.730.486</b>	<b>5.530.401.118</b>	<b>647.144.004.945</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	66.299.138.334	9.460.101.234	188.471.840.066	1.078.544.389	265.309.624.023
<b>Số cuối năm</b>	<b>77.938.225.738</b>	<b>7.642.679.050</b>	<b>178.357.188.816</b>	<b>632.640.373</b>	<b>264.570.733.977</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm quản lý hồ sơ	Phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.265.734.819	148.000.000	500.000.000	1.913.734.819
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.265.734.819</b>	<b>148.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.913.734.819</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.265.734.819	148.000.000	500.000.000	1.913.734.819





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm quản lý hồ sơ	Phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.265.734.819	148.000.000	500.000.000	1.913.734.819
Số cuối năm	1.265.734.819	148.000.000	500.000.000	1.913.734.819
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	3.749.892.634	(3.749.892.634)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	17.499.153.180	66.860.122.856	(56.867.165.886)	-	27.492.110.150
Công trình xây dựng mới và cải tạo trụ sở Công ty Bwaco	11.279.658.471	1.754.106.999	(13.033.765.470)	-	-
Công trình tuyến ống nước thô PVC D315 từ trạm Quận khu 7 đến Ngã 4 Quốc tế	-	2.033.057.989	(2.033.057.989)	-	-
Công trình tuyến ống HDPE D225 Nguyễn An Ninh (từ vòng xoay 3/2 đến Thùy Vân)	-	975.391.381	-	-	975.391.381
Công trình tuyến nước thô D1000-hệ thống Cấp nước Hồ Đá Đen – Giai đoạn 3	1.763.407.290	647.795.501	-	-	2.411.202.791
Công trình tuyến nước thô PVC D315 từ lô cao su đến Chi nhánh cấp nước Châu Đức	-	2.639.424.508	(2.639.424.508)	-	-
Công trình tuyến ống HDPE D225 Nguyễn An Ninh (bên trái từ Ngã 4 Giếng nước đến đường 3/2)	-	1.007.537.890	-	-	1.007.537.890
Công trình nâng công suất nhà máy nước Phước Bửu lên 5.000m <sup>3</sup> – giai đoạn 2	-	4.886.436.046	(4.886.436.046)	-	-
Công trình tuyến ống PVC D220 và HDPE D63 đường Nguyễn Thái Học	9.677.805	3.074.461.375	(3.084.139.180)	-	-
Công trình nâng công suất nhà máy nước Phước Bửu lên 5.000m <sup>3</sup> .	89.965.677	4.817.466.643	(4.907.432.320)	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước	Số cuối năm
Công trình tuyến ống PVC D220 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa-Nguyễn Bình Khiêm	-	2.016.448.739	(2.016.448.739)	-	-
Công trình tuyến ống HDPE D315 (Từ Quán Hải đến đối diện Trường PTTH Nội trú)	-	923.524.212	-	-	923.524.212
Công trình tuyến ống HDPE D315 (từ đối diện Trường PTTH nội trú đến van xả căn số 1)	-	945.702.214	-	-	945.702.214
Công trình nâng công suất nhà máy nước Ngãi Giao lên 5000m <sup>3</sup> - Trạm Bơm và rửa lọc	1.613.185.030	1.079.446.223	-	-	2.692.631.253
Công trình cụm xử lý - Công trình nâng công suất nhà máy nước Ngãi Giao lên 5000m <sup>3</sup>	-	3.258.045.239	-	-	3.258.045.239
Công trình tuyến ống DI200-1000 từ Nhà máy hồ Đá Đen đến vòng xoay 51B	-	5.094.811.872	-	-	5.094.811.872
Công trình tuyến ống gang D400 đường Lê Lợi (Từ Phạm Hồng Thái đến Ngã tư Bến Đình)	1.079.160.886	697.069.682	(1.776.230.568)	-	-
Công trình tuyến ống nước sạch HDPE D315 từ đường Cưng về đường Nguyễn Chí Thanh	-	956.300.401	-	-	956.300.401
Các công trình khác	1.664.098.021	30.053.095.942	(22.490.231.066)	-	9.226.962.897
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.421.685.434	-	(2.421.685.434)	-
<b>Cộng</b>	<b>17.499.153.180</b>	<b>73.031.700.924</b>	<b>(60.617.058.520)</b>	<b>(2.421.685.434)</b>	<b>27.492.110.150</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	-	2.459.497.095
Doanh nghiệp tư nhân Sơn Thủy	69.799.400	1.072.858.751
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phước Thịnh	-	2.532.877.706
Công ty TNHH Kỹ nghệ Bình Nguyên	351.925.200	4.108.446.150
Công ty Cổ phần HAWACO miền Nam	1.903.000.000	924.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lan Thanh	2.943.341.280	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.021.045.800	783.887.957
Các nhà cung cấp khác	3.614.574.112	6.381.207.001
<b>Cộng</b>	<b>9.903.685.792</b>	<b>18.262.774.660</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

U.S.F  
 C  
 ict  
 M  
 A  
 /NH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Bà Rịa - Vũng Tàu tạm ứng chi phí công trình.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	708.122.805	-	10.091.158.994	(10.650.685.966)	148.595.833	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	505.654.758	(505.654.758)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	(240.787.980)	-	240.787.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.469.048.574	-	36.356.122.187	(25.651.171.469)	17.173.999.292	-
Thuế thu nhập cá nhân	214.349.027	-	6.176.801.702	(6.093.287.902)	297.862.827	-
Thuế tài nguyên	44.193.508	-	234.782.843	(272.601.167)	6.375.184	-
Các loại thuế khác	-	-	62.529.665	(62.529.665)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.552.792.922	-	35.329.435.625	(34.941.463.493)	2.940.765.054	-
<b>Cộng</b>	<b>9.988.506.836</b>	<b>-</b>	<b>88.756.485.774</b>	<b>(78.418.182.400)</b>	<b>20.567.598.190</b>	<b>240.787.980</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước	05%
- Thi công, lắp đặt	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	195.019.128.941	171.190.199.749
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	290.700.000	201.375.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	195.309.828.941	171.391.574.749
Thu nhập được miễn thuế	(13.967.214.000)	(13.573.713.400)
Thu nhập tính thuế	181.342.614.941	157.817.861.349
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>36.268.522.988</b>	<b>31.563.572.270</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>87.599.199</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>36.356.122.187</b>	<b>31.563.572.270</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

04  
ÔN  
NHẬP  
DÁN  
8  
- 7



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác	01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	03%

**Tiền thuê đất**

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác**

Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Quỹ lương của Công ty trong 6 tháng đầu năm được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 1.800 VND/m<sup>3</sup> nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2016/BBH-HDQT ngày 10 tháng 7 năm 2016. Trong 6 tháng cuối năm, quỹ lương được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 2.000 VND/m<sup>3</sup> nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2017/BBH-HDQT ngày 08 tháng 7 năm 2017.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí nước thô	7.439.712.300	4.048.139.700
Trích trước chi phí công trình	939.994.545	181.825.679
Trích Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng	4.653.233.200	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.662.500	46.401.915
<b>Cộng</b>	<b><u>13.038.602.545</u></b>	<b><u>4.276.367.294</u></b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>1.596.275.500</u></b>	<b><u>1.237.423.000</u></b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ – Cổ tức phải trả	1.596.275.500	1.237.423.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>35.214.186.699</u></b>	<b><u>23.442.053.609</u></b>
Kinh phí công đoàn	3.239.400	-
Cổ tức phải trả	28.403.724.500	22.012.577.000
Tiền đền bù hỗ trợ di dời	5.013.032.384	-
Phí nước thải được hưởng	1.794.190.415	1.429.476.609
<b>Cộng</b>	<b><u>36.810.462.199</u></b>	<b><u>24.679.476.609</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.17b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.145.312.785	2.830.781.509
Số tiền vay phát sinh	89.123.595.977	-
Số tiền vay đã trả	(89.123.595.977)	-
Số kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả trong năm	314.531.276	314.531.276
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.459.844.061</u></b>	<b><u>3.145.312.785</u></b>

**17b. Vay dài hạn**

Khoản vay không có thế chấp Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.459.844.061	3.145.312.785
Trên 01 năm đến 05 năm	1.258.125.104	1.258.125.104
Trên 05 năm	4.875.234.778	5.189.766.054
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>9.593.203.943</u></b>	<b><u>9.593.203.943</u></b>

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.447.891.158	6.762.422.434
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(314.531.276)	(314.531.276)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.133.359.882</u></b>	<b><u>6.447.891.158</u></b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.961.609.119	10.030.099.519
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	23.799.451.013	20.943.994.122
Chi quỹ	(19.691.823.351)	(20.012.484.522)
Giảm khác (*)	(6.981.331.374)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>8.087.905.407</u></b>	<b><u>10.961.609.119</u></b>

(\*) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 điều chỉnh lại phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, giảm tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ 15% xuống còn 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2016 và tăng tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư và phát triển từ 01% lên 06% Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tương ứng số tiền 6.981.331.374 VND.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	228.367.330.000	228.367.330.000
Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	66.226.520.000	-
Các cổ đông khác	305.406.150.000	236.632.670.000
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>465.000.000.000</b>

Trong năm Công ty đã chào bán 13.500.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch từ Nhà máy nước Hồ Đá Đen đến vòng xoay 3/2 – Phước Thắng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/NQ-DHĐCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017. Ngày 30 tháng 10 năm 2017 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 600.000.000.000 VND.

**19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	46.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.000.000	46.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	46.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	46.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	46.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết số 02/NQ-DHĐCĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2017, Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích/(hoàn trích) trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (5% mệnh giá)	23.250.000.000	23.250.000.000	-
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (6% Lợi nhuận sau thuế năm 2016)	8.377.597.649	1.396.266.275	6.981.331.374
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế năm 2016)	13.962.662.748	20.943.994.122	(6.981.331.374)

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 10 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2017 và tạm trích các quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01-2018/BBH-HDQT ngày 09 tháng 01 năm 2018 như sau:





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	VND
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông năm 2017 (20% mệnh giá)	: 120.000.000.000
• Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển (06% lợi nhuận sau thuế năm 2017)	: 9.519.780.405
• Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế năm 2017):	23.799.451.013

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp*****Nợ khó đòi đã xử lý***

Công ty có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản nợ phải thu tiền lắp đặt của Trung tâm thương mại Châu Đức với số tiền 130.708.100 VND đã được xóa sổ do Trung tâm này đã giải thể.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước thành phẩm	527.395.398.326	482.564.679.388
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	34.308.874.065	49.334.036.535
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.106.508.000	2.098.345.000
Doanh thu khác	19.987.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>563.830.767.391</u></b>	<b><u>533.997.060.923</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	263.284.035.242	252.198.933.511
Giá vốn của lắp đặt	32.418.953.557	47.629.212.569
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	29.769.019	32.174.390
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	324.811.440	-
<b>Cộng</b>	<b><u>296.057.569.258</u></b>	<b><u>299.860.320.470</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.009.988.860	5.091.295.568
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42.896.610	231.047.775
Lãi tiền cho vay	708.380.915	1.553.120.278
Cổ tức được chia	13.967.214.000	13.573.713.400
<b>Cộng</b>	<b><u>26.728.480.385</u></b>	<b><u>20.449.177.021</u></b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	443.140.000
Chi phí vật liệu, bao bì	14.189.477.527	13.508.727.481
Chi phí bảo hành	27.744.515.363	16.554.884.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.093.323.427	14.506.734.732
Các chi phí khác	1.453.056.697	2.287.779.422
<b>Cộng</b>	<b><u>60.480.373.014</u></b>	<b><u>47.301.266.511</u></b>

1308  
CỔ  
TỊCH NH  
M T O A  
A  
/NH.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.400.587.856	8.240.959.458
Chi phí vật liệu quản lý	1.165.283.638	1.304.421.631
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.349.527.701	2.483.703.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.522.009.004	2.899.865.660
Thuế, phí và lệ phí	1.065.539.731	404.596.160
Dự phòng/(Hoàn nhập) phải thu khó đòi	(325.131.849)	617.535.350
Chi phí tiếp khách	8.595.506.749	6.408.732.928
Các chi phí khác	13.939.338.177	13.750.382.698
<b>Cộng</b>	<b>38.712.661.007</b>	<b>36.110.197.223</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	34.545.454
Thu nhập do chuyển nhượng vật tư	63.636	2.383.636
Thu tiền điện	776.990.400	788.110.529
Các khoản thu nhập khác	35.737.906	1
<b>Cộng</b>	<b>812.791.942</b>	<b>825.039.620</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	51.575.281	-
Giá vốn thanh lý vật tư	11.615.739	21.183.082
Giá vốn tiền điện	776.990.706	788.110.529
<b>Cộng</b>	<b>840.181.726</b>	<b>809.293.611</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	158.663.006.754	139.626.627.479
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(23.799.451.013)	(13.962.662.748)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	134.863.555.741	125.663.964.731
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	49.015.068	46.411.233
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.751</b>	<b>2.708</b>

**8b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 3 năm 2017. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 2.557 VND lên 2.708 VND.

498  
IG T  
IEM H  
H VÀ T  
& I  
PH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.689.705.002	124.794.095.418
Chi phí nhân công	120.531.443.391	121.523.961.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.278.009.649	66.553.650.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.469.541.728	27.422.463.084
Chi phí khác	50.895.826.686	40.307.324.664
<b>Cộng</b>	<b><u>389.864.526.456</u></b>	<b><u>380.601.495.646</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Theo công văn số 11768/UBND-VP ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2011 – 2015 thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng tỉnh và tiền chi trả dịch vụ môi trường giai đoạn này phải được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty tại năm chi trả. Hiện tại, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ vào Báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.315.594.000	3.308.845.000
Tiền thưởng	2.371.468.000	2.325.983.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.687.062.000</u></b>	<b><u>5.634.828.000</u></b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**3. Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 90,37% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**4a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

*Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.513.956.546	-	-	-	11.513.956.546
Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	299.525.000.000	-	-	-	299.525.000.000
Phải thu khách hàng	49.043.292.911	-	-	1.255.367.501	50.298.660.412
Các khoản phải thu khác	6.241.886.153	-	-	-	6.241.886.153
<b>Cộng</b>	<b>366.324.135.610</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.255.367.501</b>	<b>367.579.503.111</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.351.822.973	-	-	-	62.351.822.973
Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	83.450.000.000	-	-	-	83.450.000.000
Phải thu khách hàng	46.468.103.911	-	292.403.501	1.580.499.350	48.341.006.762
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	-	-	16.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.617.849.304	-	-	-	8.617.849.304
<b>Cộng</b>	<b>216.887.776.188</b>	<b>-</b>	<b>292.403.501</b>	<b>1.580.499.350</b>	<b>218.760.679.039</b>

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn là trên 03 năm.

**4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	9.903.685.792	-	-	9.903.685.792
Vay và nợ	3.459.844.061	1.258.125.104	4.875.234.778	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	44.832.792.960	-	-	44.832.792.960
<b>Cộng</b>	<b>58.196.322.813</b>	<b>1.258.125.104</b>	<b>4.875.234.778</b>	<b>64.329.682.695</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	18.262.774.660	-	-	18.262.774.660
Vay và nợ	3.145.312.785	1.258.125.104	5.189.766.054	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	28.955.843.903	-	-	28.955.843.903
<b>Cộng</b>	<b>50.363.931.348</b>	<b>1.258.125.104</b>	<b>5.189.766.054</b>	<b>56.811.822.506</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**4c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

**4d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.513.956.546	-	62.351.822.973	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	299.525.000.000	-	83.450.000.000	-
Phải thu khách hàng	50.298.660.412	(1.255.367.501)	48.341.006.762	(1.580.499.350)
Các khoản cho vay	-	-	16.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	6.241.886.153	-	8.617.849.304	-
<b>Cộng</b>	<b>367.579.503.111</b>	<b>(1.255.367.501)</b>	<b>218.760.679.039</b>	<b>(1.580.499.350)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	9.903.685.792	18.262.774.660
Vay và nợ	9.593.203.943	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	44.832.792.960	28.955.843.903
<b>Cộng</b>	<b>64.329.682.695</b>	<b>56.811.822.506</b>

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

0309  
 CẢ  
 TÁCH NH  
 KIỂM TOÁN  
 A  
 7/1/17



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

6. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**  
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2018



**Đinh Thị Quỳnh Trang**  
Người lập biểu



**Nguyễn Quốc Huy**  
Kê toán trưởng

**Đinh Chí Đức**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	360.000.000.000	1.611.402.000	6.031.447.436	333.634.674	367.976.484.110
Tăng vốn từ lợi nhuận	93.000.000.000	-	-	(93.000.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	12.000.000.000	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	139.626.627.479	139.626.627.479
Trích lập các quỹ	-	-	1.396.266.275	(22.340.260.397)	(20.943.994.122)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.250.000.000)	(23.250.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>465.000.000.000</b>	<b>1.611.402.000</b>	<b>7.427.713.711</b>	<b>1.370.001.756</b>	<b>475.409.117.467</b>
Số dư đầu năm nay	465.000.000.000	1.611.402.000	7.427.713.711	1.370.001.756	475.409.117.467
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	135.000.000.000	-	-	-	135.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	158.663.006.754	158.663.006.754
Trích lập các quỹ	-	-	9.519.780.405	(33.319.231.418)	(23.799.451.013)
Chia cổ tức	-	-	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
Tăng do điều chuyển từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	6.981.331.374	-	6.981.331.374
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>1.611.402.000</b>	<b>23.928.825.490</b>	<b>6.713.777.092</b>	<b>632.254.004.582</b>

Đơn vị tính: VND

M.S.ONS.00101386  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA-VŨNG TÀU  
TP. VŨNG TÀU, ngày 30 tháng 01 năm 2018

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Quốc Huy  
Kế toán trưởng

Đình Chí Đức  
Tổng Giám đốc



---

*Địa chỉ:*                      *Số 14 Đường 30/04, P.9, TP.Vũng Tàu, T.Bà Rịa-Vũng Tàu*

*Số điện thoại:*              *(0254) 3838 324*

*Website:*                      *[www.bwaco.com.vn](http://www.bwaco.com.vn)*